

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 217/2018/DS-PT

Ngày: 08-6-2018

V/v tranh chấp: “*Yêu cầu mở lối đi qua bất động sản liền kề*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Thu Thúy**

Các Thẩm phán: Bà **Nguyễn Thị Sâm Hương**

Bà **Trần Thị Thu Hằng**

*Thư ký phiên tòa:* Bà **Đỗ Thị Tuyết Hạnh** là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:* Ông **Trần Minh Hoàng** - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Ngày 08 tháng 6 năm 2018 tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 91/2018/TLPT– DS ngày 24 tháng 4 năm 2018 về việc tranh chấp “*Yêu cầu mở lối đi qua bất động sản liền kề*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 29/2018/DS-ST ngày 06 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2018/QĐ-PT ngày 26 tháng 4 năm 2018 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 41/2018/QĐ-PT ngày 21/5/2018 giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:*

1. Chị **Nguyễn Thị Phương T**, sinh năm 1983; (có mặt)
2. Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1951.

Cùng địa chỉ: ấp HP, xã HĐ, huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền của ông Hóa: **Nguyễn Thị Phương T**, sinh năm 1983;

Địa chỉ: ấp HP, xã HĐ, huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:*

1. Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1959;

2. Ông **Chế Văn P**, sinh năm 1954; (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp HP, xã HĐ, huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền của bà T: **Chế Văn P**, sinh năm 1954;

Địa chỉ: ấp HP, xã HĐ, huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

3. Ông **Trần Thanh S**, sinh năm 1967;

Địa chỉ: ấp HP, xã HĐ, huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền của ông Sơn: **Trần Thanh T**, sinh năm 1991; (có mặt)

Địa chỉ: Số 572A, tổ 31, khu 2, thị trấn CB, huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị **Nguyễn Thị Phương T**, sinh năm 1999;

2. Anh **Nguyễn Quốc V**, sinh năm 2004;

3. Anh **Chế Văn H**, sinh năm 1978;

4. Anh **Chế Văn V**, sinh năm 1979;

5. Anh **Chế Văn K**, sinh năm 1982;

6. Anh **Chế Văn T**, sinh năm 1985;

7. Chị **Chế Thị Hồng T**, sinh năm 1988;

8. Anh **Chế Văn Đ**, sinh năm 1990;

9. Chị **Vũ Thị S**, sinh năm 1988;

Cùng địa chỉ: ấp HP, xã HĐ, huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền của anh H, anh V, anh K, anh T, chị T, anh Đ, chị S là ông

**Chế Văn P**, sinh năm 1954;

Đại diện ủy quyền của Phương Thảo: **Nguyễn Thị Phương T**, sinh năm 1983;

Cùng địa chỉ: ấp HP, xã HĐ, huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

10. Anh **Trần Thanh T**, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Số 572A, tổ 31, khu 2, thị trấn CB, huyện CB, tỉnh TG.

11. Bà **Nguyễn Thị S**, sinh năm 1969;

Địa chỉ: ấp AN, xã ĐHH, huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền của bà S: **Trần Thanh T**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Số 572A, tổ 31, khu 2, thị trấn CB, huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

*Người kháng cáo:* Anh **Trần Thanh T** là đại diện ủy quyền của bị đơn ông **Trần Thanh S**.

### NỘI DUNG VỤ ÁN

*\* Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị Phương T trình bày:*

Ông H có 02 phần đất thuộc thửa số 09, tờ bản đồ số 18, diện tích là 4.188,9m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số “H” 01445 do UBND huyện CL cấp ngày 05/12/2005 và thửa đất số 52, tờ bản đồ số 19, diện tích là 2.496,9m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số “H” 04354 do UBND huyện CL cấp ngày 27/3/2007, đất này tọa lạc tại ấp HP, xã HĐ, huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

Chị T có phần đất thuộc thửa 272, tờ bản đồ số 19, diện tích là 1.000,7m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số “CH” 05085 do UBND huyện CL cấp ngày 09/02/2010, đất tọa lạc tại ấp HP, xã HĐ, huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

Phần đất của ông H và chị T bị vây bọc bởi các thửa đất của hộ ông S và hộ bà T, cụ thể: đất của hộ ông S thuộc thửa đất số 51, tờ bản đồ số 19 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02918 do UBND huyện CL cấp ngày 05/12/2005 và đất của hộ bà T, ông P thuộc thửa 103, tờ bản đồ số 19 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03444 do UBND huyện CL cấp ngày 05/12/2005 và 02 phần đất này tọa lạc tại ấp HP, xã HĐ, huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

Ông H và chị T trước đây có đường đi duy nhất ra đường đi công cộng là phải qua phần đất của hộ bà T, ông P và hộ ông S nhưng nay ông S và bà T, ông P không cho cả hai đi nữa nên cả hai không có lối đi ra đường công cộng. Hộ ông S và hộ bà T, ông P đôi khi vẫn cho ông H và chị T đi nhưng không cho phía chị T và ông H cải tạo đường đi như đổ đá, đắp đất... và có khi rào lại không cho đi nên ông H và chị T rất khó khăn trong việc đi lại để vào các phần đất của chị T và ông H. Lối đi này đã có từ trước năm 1975 nhưng nay Nhà nước đã cấp chủ quyền cho hộ ông P, bà T và hộ ông S nên xem như ông H không có lối đi nữa.

Nay phía chị T xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với bà T, ông P và ông S. Ông H xin rút yêu cầu khởi kiện đối với bà T, ông P. Lý do chị T rút yêu cầu khởi kiện

là do đất của chị không liền kề với đất của bà T, ông P và hộ ông S. Ông H rút yêu cầu khởi kiện đối với bà T, ông P là do đất ông không liền kề với bà T, ông P.

Nay ông H yêu cầu tòa án giải quyết buộc hộ ông S phải mở lối đi cho ông H ngang 1,5m, dài 75,03m, diện tích là 112,55m<sup>2</sup> để ông H có lối đi ra đường công cộng và ông H đồng ý bồi hoàn giá trị đất, giá trị cây trái trên đất và vật kiến trúc trên đất, yêu cầu thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

*\* Bị đơn bà Nguyễn Thị T và ông Chế Văn P trình bày:*

Hộ ông, bà có phần đất thuộc thửa 103, tờ bản đồ số 19 và đất này tọa lạc tại ấp HP, xã HD, huyện CL, tỉnh Tiền Giang theo như ông H và bà T trình bày. Ông H và bà T trước đây muốn đi vào đất của mình thì phải đi qua phần đất mà ông đã được cấp chủ quyền nhưng khi bà T và ông H đi trên phần đất của ông, bà làm chết cây trái và chạy xe gây tiếng ồn làm ảnh hưởng đến gia đình ông, bà và bà T có ý định đổ đá trên phần đất ông, bà nên ông, bà không đồng ý cho bà T và ông H đi nữa.

*\* Bị đơn ông Trần Thanh S đã ủy quyền cho anh Trần Thanh T trình bày:*

Hộ ông S có phần đất thuộc thửa đất số 51, tờ bản đồ số 19, đất tọa lạc tại ấp HP, xã HD, huyện CL, tỉnh Tiền Giang theo như ông H và bà T trình bày. Ông H và bà T trước đây muốn đi vào phần đất của mình thì phải đi qua phần đất của hộ ông S nhưng phía bà T yêu cầu đổ đá để đi, thì ông S không đồng ý. Bà T và ông H muốn đi thì đi chứ không được đổ đá, đổ đan và khi nào ông S có nhu cầu sử dụng phần đất này thì ông S lấy lại.

\* Phần trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Chế Văn H, anh Chế Văn V, anh Chế Văn K, anh Chế Văn T, chị Chế Thị Hồng T, anh Chế Văn Đ và chị Vũ Thị S đều ủy quyền cho ông Chế Văn P.

\* Phần trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Phương T, anh Nguyễn Quốc V thì có đơn xin vắng mặt.

\* Phần trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Trần Thanh T và bà Nguyễn Thị S thì thống nhất theo phần trình bày của ông Trần Thanh S.

Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2018/DS-ST ngày 06 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H.

1.1. Buộc ông Trần Thanh S phải mở lối đi cho ông H có chiều ngang là 1,5m và chiều dài là 75,03m với diện tích đất là 112,55m<sup>2</sup> đất thuộc thửa đất số 51, tờ bản đồ số 19 và tọa lạc tại ấp HP, xã HD, huyện CL, tỉnh Tiền Giang (Có họa đồ kèm theo), với tứ cận cụ thể:

- Phía Đông giáp đất ông Nguyễn Văn H;
- Phía Tây giáp hộ ông Nguyễn Văn H;
- Phía Nam giáp hộ bà Nguyễn Thị T và bà Trần Thị M.
- Phía Bắc giáp hộ ông Trần Thanh S.

1.2. Buộc ông Hóa phải bồi thường giá trị đất cho ông S là 11.255.000 đồng (mười một triệu hai trăm năm mươi lăm ngàn đồng).

1.3. Ghi nhận sự tự nguyện của ông H đồng ý bồi thường công di dời hàng rào B40, giá trị 07 cây dừa loại A, giá trị 02 cây dừa loại C, giá trị 10 cây mít loại A và công di dời 01 cây mai vàng với số tiền tổng cộng là 14.186.760 đồng (mười bốn triệu một trăm tám mươi sáu ngàn bảy trăm sáu mươi đồng).

Các bên thực hiện việc mở lối đi, giao tiền, di dời 01 cây mai vàng và hàng rào B40 cùng lúc.

Kể từ ngày ông S có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông H chậm thực hiện nghĩa vụ giao tiền, thì hàng tháng ông H còn phải trả thêm phần tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thực hiện.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị T.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông H đối với bà T và ông P.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 07 tháng 02 năm 2018, anh Trần Thanh T là đại diện ủy quyền của bị đơn là ông Trần Thanh S có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm số 29/2018/DS-ST ngày 06/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Trần Thanh T đại diện do bị đơn Trần Thanh S ủy quyền vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin hủy án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng

thủ tục tố tụng là án sơ thẩm giải quyết tranh chấp xin mở lối đi qua bất động sản liền kề theo yêu cầu của nguyên đơn nhưng không qua thủ tục hòa giải ở cơ sở và việc mở lối đi cho hộ gia đình ông H làm thiệt hại đến tài sản của ông S. Chị T đại diện do ông H ủy quyền không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn và yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng qui định pháp luật, Kiểm sát viên không kiến nghị gì. Xét yêu cầu kháng cáo của ông Trần Thanh T đại diện do ông S ủy quyền là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện CL.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Qua nghiên cứu toàn bộ tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện, yêu cầu kháng cáo của ông Trần Thanh T đại diện do ông Trần Thanh S ủy quyền, nghe đương sự trình bày thêm tại phiên tòa phúc thẩm, qua tranh luận và ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Xét đơn kháng cáo của ông Trần Thanh S yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại bản án theo hướng hủy án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng là án sơ thẩm giải quyết tranh chấp xin mở lối đi qua bất động sản liền kề theo yêu cầu của nguyên đơn nhưng không qua thủ tục hòa giải ở cơ sở và việc mở lối đi cho hộ gia đình ông H làm thiệt hại đến tài sản của ông S.

Hội đồng xét xử nhận định:

Phần đất của ông Nguyễn Văn H thuộc thửa đất số 52, tờ bản đồ số 19, diện tích là 2.496,9m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp HP, xã HĐ, huyện CL. Phần đất trên của ông H bị vây bọc bởi các bất động sản khác và liền kề với phần đất của ông Trần Thanh S thuộc số thửa 51, tờ bản đồ số 19, diện tích 7.273,2m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp HP, xã HĐ, huyện CL. Từ phần đất ở thửa 52 của ông H để đi ra đường công cộng thì chỉ có một lối đi duy nhất là phải qua phần đất liền kề của ông S. Từ trước đến nay ông H muốn đi vào thửa đất số 52

của mình thì đi trên con đường đã có từ trước năm 1975 là đi trên một phần đất của ông S, đất hộ bà T, ông P và đất hộ bà M. Đến khi Ủy ban nhân dân xã HĐ, huyện CL cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì lối đi trên đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông S, hộ bà T, ông P và hộ bà M mỗi người một phần diện tích lối đi. Do đó nay để có lối đi từ phần đất ở thửa 52 ra đường đi công cộng thì ông H mới yêu cầu ông S có phần diện tích đất liền kề mở lối đi cho ông ra đường công cộng.

Tại Điều 254 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “1. Chủ sở hữu có bất động sản bị vây bọc bởi các bất động sản của các chủ sở hữu khác mà không có hoặc không đủ lối đi ra đường công cộng, có quyền yêu cầu chủ sở hữu bất động sản vây bọc dành cho mình một lối đi hợp lý trên phần đất của họ. Lối đi được mở trên bất động sản liền kề nào mà được coi là thuận tiện và hợp lý nhất, có tính đến đặc điểm cụ thể của địa điểm, lợi ích của bất động sản bị vây bọc và thiệt hại gây ra là ít nhất cho bất động sản có mở lối đi.”

Căn cứ vào biên bản xem xét thẩm định tại chỗ lập ngày 31/5/2018 thể hiện, phần đất ở thửa 52 của ông H để đi ra được đường công cộng thì chỉ đi trên lối đi duy nhất có phần đất liền kề là thửa đất của ông S. Do đó ông H yêu cầu ông S cho mở lối đi trên phần đất ông S ra đường đi công cộng là phù hợp qui định pháp luật.

Việc ông S cho rằng ông H muốn đi ra đường công cộng phải đi trên một phần đất của ông S, phần đất của bà M và phần đất của bà T chứ ông không đồng ý mở lối đi cho ông H nằm toàn bộ trên phần đất của ông. Hội đồng xét xử thấy rằng phần đất của bà M liền kề với đất ông H nhưng lại không đi ra được đường công cộng; Đối với phần đất của hộ bà T thì lại không liền kề với phần đất của ông H. Như vậy việc mở lối đi trên các phần đất như ông S yêu cầu là không thuận tiện cho người được mở và người bị mở lối đi, cũng không phù hợp với qui định tại Điều 254 Bộ luật dân sự năm 2015 qui định.

Xét về diện tích lối đi xin mở, thấy rằng phần đất của ông S, bà T, ông H đều trồng các loại cây trái như sầu riêng, mít. Việc chăm sóc phải tốn nhiều công sức và phân bón để thu lợi nhuận cao. Do đó các hộ dân đều phải làm hàng rào để bảo vệ, lối đi vào hai bên đều có hàng rào lưới B40 rất khó đi lại thu hoạch cũng như chăm sóc cây. Do đó cần mở lối đi có chiều ngang 1,5m; dài 75,03m là phù hợp mới có thể tạo điều kiện thuận lợi cho hộ ông H chăm sóc và thu hoạch vườn sầu riêng

của mình, hơn nữa phần đất của ông S có diện tích 7.274,4m<sup>2</sup> cũng đủ lớn để có thể mở lối đi có diện tích như trên cũng không ảnh hưởng nhiều đến diện tích đất còn lại của ông.

Anh Trần Thanh T đại diện do bị đơn ủy quyền kháng cáo yêu cầu Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm vì cho rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không qua thủ tục hòa giải ở cơ sở. Hội đồng xét xử thấy rằng việc giải quyết tranh chấp yêu cầu xin mở lối đi qua bất động sản liền kề về điều kiện khởi kiện không bắt buộc phải được Ủy ban nhân dân xã hòa giải trước khi khởi kiện. Do đó yêu cầu kháng cáo này của bị đơn không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Trong phần quyết định của bản án sơ thẩm có tuyên ghi nhận sự tự nguyện của ông Hóa bồi thường công di dời hàng rào, giá trị các cây trồng với số tiền 14.186.760 đồng nhưng không ghi giao cho ai nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm có sửa lại cho rõ để dễ dàng thi hành án. Bổ sung thêm trong câu các bên thực hiện việc mở lối đi, giao tiền, di dời một cây mai vàng và hàng rào B40 cùng lúc khi án có hiệu lực pháp luật.

Từ các cơ sở nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Thanh T đại diện do ông Trần Thanh S ủy quyền, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện CL.

Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 245, 254 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Thanh T đại diện do ông Trần Thanh S ủy quyền, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 29/2018/DS-ST ngày 06-02-2018 của Tòa án nhân dân huyện CL.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H.

1.1. Buộc ông Trần Thanh S phải mở lối đi cho ông H có chiều ngang là 1,5m và chiều dài là 75,03m với diện tích đất là 112,55m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 51, tờ bản đồ số 19, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số HC2918 do Ủy ban nhân dân huyện CL cấp cho ông Trần Thanh S, đất tọa lạc tại ấp HP, xã HĐ, huyện CL, tỉnh Tiền Giang (Có họa đồ kèm theo), với tứ cận cụ thể:

- Phía Đông giáp đất ông Nguyễn Văn H;
- Phía Tây giáp đất ông Nguyễn Văn H;
- Phía Nam giáp đất bà Nguyễn Thị T và bà Trần Thị M.
- Phía Bắc giáp đất ông Trần Thanh S.

1.2. Buộc ông H phải bồi thường giá trị đất cho ông S số tiền là 11.255.000 đồng (mười một triệu hai trăm năm mươi lăm ngàn đồng).

1.3. Ghi nhận sự tự nguyện của ông H đồng ý bồi thường công di dời hàng rào B40, giá trị 07 cây dừa loại A, giá trị 02 cây dừa loại C, giá trị 10 cây mít loại A và công di dời 01 cây mai vàng với số tiền tổng cộng là 14.186.760 đồng cho ông S (mười bốn triệu một trăm tám mươi sáu ngàn bảy trăm sáu mươi đồng).

Các bên thực hiện việc mở lối đi, giao tiền, di dời 01 cây mai vàng và hàng rào B40 cùng lúc khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông S có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông H chậm thực hiện nghĩa vụ giao tiền, thì hàng tháng ông H còn phải trả thêm phần tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thực hiện.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị T.
3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông H đối với bà T và ông P.
4. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn H phải chịu 1.272.088 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 14396 ngày 09/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL nên ông H phải nộp tiếp số tiền là 972.088 đồng (chín trăm bảy mươi hai ngàn không trăm tám mươi tám đồng).

Ông Trần Thanh S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Ông S đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 15267 ngày 08/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL nên ông S còn phải nộp tiếp số tiền là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

Hoàn lại cho chị Nguyễn Thị Phương T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000 đồng (sáu trăm ngàn đồng) theo hai biên lai thu số 14665 ngày 30/8/2017 và biên lai thu số 14395 ngày 09/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CL.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện CL;
- Chi cục THADS huyện CL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Võ Thị Thu Thúy**

